

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 177/BC-UBND

Gia Lai, ngày 20 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính tỉnh Gia Lai năm 2025

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính (CCHC) định kỳ theo quy định của Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Gia Lai báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách CCHC năm 2025 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá về công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

Năm 2025, là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tăng tốc, bứt phá, hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và tạo dư địa để cùng đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Với tinh thần đổi mới, sáng tạo và quán triệt phương châm chỉ đạo, điều hành của Chính phủ “*Kỷ cương trách nhiệm, chủ động kịp thời, tăng tốc sáng tạo, hiệu quả bền vững*”, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội trên tinh thần “*làm gương, kỷ cương, trọng tâm, bứt phá*” gắn với đẩy mạnh CCHC, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh.

Ngay sau khi mô hình chính quyền địa phương 02 cấp chính thức hoạt động, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 của 02 tỉnh Bình Định và Gia Lai (trước đây); trên cơ sở đó, ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Gia Lai năm 2025¹ đảm bảo tính kế thừa, tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ chưa hoàn thành của 02 địa phương trước sáp nhập; đồng thời, điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu, nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, theo đó xác định 30 nhiệm vụ trọng tâm với các chỉ tiêu phấn đấu trên 06 lĩnh vực của công tác CCHC.

Trong năm, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành và chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính trên từng lĩnh vực, trong đó có một số nội dung lớn, cụ thể như: Chương trình công tác trọng tâm các tháng cuối năm 2025 của UBND tỉnh trong năm 2025²; Quyết định giao chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 đối với từng xã, phường trên địa bàn tỉnh³; Phê duyệt Khung danh mục nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh thực hiện chỉ số SIPAS, chỉ số PAR INDEX, chỉ số

¹ Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND tỉnh

² Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh.

³ Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 (đối với 58 xã, phường thuộc tỉnh Bình Định cũ) và Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 (đối với 77 xã, phường thuộc tỉnh Gia Lai cũ).

PAPI⁴; Kế hoạch nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông⁵; họp nghe báo cáo và chỉ đạo các cơ quan liên quan giải quyết các vấn đề qua công tác kiểm tra cải cách hành chính tại địa phương cấp xã⁶; Công văn chỉ đạo triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 của tỉnh⁷; Công văn triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn, cải thiện và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 của tỉnh⁸; Công văn triển khai tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2025⁹. Đã quyết định thành lập “Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, cải cách hành chính, chuyển đổi số và Đề án 06”¹⁰ trên cơ sở kiện toàn, tổ chức lại “Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Bình Định” và bổ sung nhiệm vụ về cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; trên cơ sở đó, Ban Chỉ đạo đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động tại Quyết định số 11/QĐ-BCĐ ngày 28/7/2025. Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh cũng đã trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch hành động số 22-KH/TU ngày 03/9/2025 triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai; ngày 27/10/2025 UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 22-KH/TU ngày 03/9/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau sáp nhập)¹¹.

- Trong thời gian đầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là địa phương cấp xã trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ do khối lượng công việc lớn và có nhiều thay đổi khi thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền. Do đó, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ nhằm hỗ trợ, nâng cao năng lực thực thi công vụ cho địa phương cấp xã, cụ thể như: **(i)** Tổ chức các Đoàn công tác của Lãnh đạo tỉnh, Đoàn công tác của các cơ quan chuyên môn đi thăm, kiểm tra, nắm bắt tình hình hoạt động của toàn bộ 135 xã, phường trên địa bàn tỉnh. Nội dung làm việc tập trung vào việc đánh giá kết quả và giải quyết vướng mắc, kiến nghị của địa phương về việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm; việc sắp xếp tổ chức bộ máy, thành lập đơn vị sự nghiệp công lập; việc bố trí cán bộ, công chức, viên chức cấp xã; công tác tiếp nhận, số hóa, giải quyết hồ sơ TTHC (tập trung trên lĩnh vực đất đai, hộ tịch, chứng thực); việc thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 02-

⁴ Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 12/05/2025 của UBND tỉnh.

⁵ Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh.

⁶ Thông báo số 189/TB-UBND ngày 29/8/2025 thông báo ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Hải Giang tại cuộc họp nghe báo cáo công tác cải cách thủ tục hành chính.

⁷ Công văn số 5586/UBND-PVHCC ngày 26/10/2025 của UBND tỉnh.

⁸ Công văn 7178/UBND-PVHCC ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh.

⁹ Công văn 8091/UBND-PVHCC ngày 17/12/2025 của UBND tỉnh.

¹⁰ Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 11/7/2025 của UBND tỉnh.

¹¹ Kế hoạch 105/KH-UBND ngày 27/10/2025 của UBND tỉnh.

KH/BCĐTW.... (ii) Triển khai tăng cường công chức, viên chức cấp tỉnh về công tác tại các xã, phường để nắm bắt tình hình và hướng dẫn, hỗ trợ giải quyết một số công việc cấp thiết ở cấp xã. UBND tỉnh đã quyết định thành lập 11 Tổ công tác hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ¹² tại các xã, phường; mỗi tổ gồm 10 – 20 công chức, viên chức từ các sở, ngành, trường cao đẳng, về công tác tại các xã, phường trong thời gian ít nhất từ 01 đến 02 tuần/xã, phường và có thể kéo dài hơn theo thực tế công việc. (iii) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức cấp xã theo tinh thần “cầm tay chỉ việc”, nội dung tập huấn bám sát chức năng nhiệm vụ và nhu cầu thực tế của địa phương; tài liệu tập huấn được số hóa, cập nhật vào Sổ tay điện tử phục vụ tra cứu, tham khảo. (iv) Quan tâm bố trí nguồn lực sửa chữa trụ sở làm việc, trang bị cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động của UBND và Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

Ngày 02/12/2025, Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì Hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến đánh giá tình hình kinh tế - xã hội năm 2025 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2026¹³. Kết quả cho thấy trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức, nhất là ảnh hưởng nặng nề của cơn bão số 13 và tình hình mưa lũ giữa tháng 11 vừa qua; song các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành triển khai quyết liệt, chủ động, kịp thời theo dõi sát tình hình thực tiễn, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, xử lý những vấn đề phát sinh; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh nên tình hình kinh tế - xã hội năm 2025 tiếp tục tăng trưởng, phát triển và đạt được kết quả khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực.

2. Triển khai thực hiện Kế hoạch CCHC

Năm 2025, UBND tỉnh xác định 32 nhiệm vụ trọng tâm trên 07 lĩnh vực của nhiệm vụ CCHC của tỉnh¹⁴. Đến ngày 18/12/2025, đã hoàn thành 32/32 nhiệm vụ đề ra.

Ngoài ra, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành khoảng 110 văn bản chỉ đạo, điều hành về CCHC, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo các Nghị quyết của Chính phủ, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Về công tác kiểm tra CCHC

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC tỉnh¹⁵, tập trung vào các lĩnh vực: công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; cải cách thể chế; cải cách thủ tục pháp lý; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính

¹² Tổ công tác hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ trên các lĩnh vực: khoa học và công nghệ, tư pháp, nông nghiệp và môi trường, xây dựng, y tế, công thương, tài chính, giáo dục và đào tạo, dân tộc và tôn giáo, nội vụ, văn hóa, thể thao và du lịch.

¹³ Thông báo số 425/TB-UBND ngày 05/12/2025 của UBND tỉnh.

¹⁴ Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND tỉnh phê duyệt 34 nhiệm vụ trọng tâm trong công tác CCHC, trong đó: có 02 nhiệm vụ liên quan đến triển khai Hệ thống phần mềm công nghệ thông tin được UBND tỉnh thống nhất cho rút khỏi danh mục nhiệm vụ CCHC vì thực hiện theo Hệ thống phần mềm do Trung ương triển khai.

¹⁵ Quyết định số 1071/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

quyền số. Theo đó, đã tổ chức kiểm tra đối với 02 cơ quan thuộc UBND tỉnh¹⁶ (đạt 100% so với Kế hoạch), 42 UBND cấp xã, phường¹⁷ (đạt 100% so với Kế hoạch). Bên cạnh đó, UBND tỉnh ban hành Quyết định Ban hành Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2025¹⁸, đến nay, Tổ công tác về kiểm tra công vụ của tỉnh đã kiểm tra đối với 32 xã, phường trên địa bàn tỉnh; qua kiểm tra, hầu hết các địa phương chấp hành tốt các nội dung được kiểm tra: UBND các xã, phường kịp thời ban hành các Quy chế, quy định để quản lý, điều hành; ban hành kế hoạch kiểm tra công vụ theo chỉ đạo của UBND tỉnh; tổ chức tiếp nhận và giải quyết TTHC kịp thời cho người dân; cán bộ, công chức chấp hành đúng quy chế làm việc và văn hóa công vụ.

4. Về công tác tuyên truyền CCHC

Công tác tuyên truyền CCHC được thực hiện thường xuyên tại các cơ quan, đơn vị, địa phương và trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm tuyên truyền chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước và các chương trình, kế hoạch, văn bản của Trung ương, của tỉnh về CCHC; nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu. Từ nội dung Kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC tỉnh Gia Lai năm 2025¹⁹, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng Kế hoạch cụ thể hóa các nhiệm vụ tuyên truyền về CCHC của đơn vị đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở.

Duy trì các hình thức truyền thông về công tác CCHC trên Cổng/Trang thông tin điện tử, tài khoản Zalo chính thức của các cơ quan, đơn vị, địa phương và qua ứng dụng nền tảng số để tuyên truyền về kết quả đánh giá Chỉ số CCHC (Par Index), Chỉ số đo lường sự hài lòng của tổ chức, công dân (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương của tỉnh (DDCI), triển khai nhiệm vụ công tác CCHC năm 2025 và các nội dung liên quan đến CCHC của tỉnh. Từ ngày 01/7/2025 đến nay, Báo và phát thanh, truyền hình Gia Lai đã thực hiện khoảng 100 tin, bài tuyên truyền liên quan đến công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số và triển khai Đề án 06. Các nội dung tuyên truyền tập trung phản ánh những hoạt động, mô hình và giải pháp thiết thực, như: nỗ lực cải cách hành chính ngay từ cơ sở; phát huy tinh thần phục vụ nhân dân, nâng cao hiệu quả trong giải quyết thủ tục hành chính; sự chủ động của các xã vùng khó khăn trong việc nâng cao chất lượng phục vụ người dân; xây dựng nền hành chính gần dân thông qua những việc làm cụ thể; tập trung giải quyết hồ sơ đất đai cho người dân; đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số để rút ngắn thời gian cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... Bên cạnh đó, các cơ quan chuyên môn của tỉnh cũng đã tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn

¹⁶ Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch.

¹⁷ Ủy ban nhân dân các xã, phường: Chư Prông, Bầu Cạn, Ia Boong, Ia Pia, Ia Tôr, Chư Sê, Bờ Ngoong, Ia Ko, AL Bá, Ia Hrú, Kbang, Kông Bơ La, Tơ Tung, Sơn Lang, Đăk Rong, An Khê, Cũu An, An Bình, Ya Hội, Đăk Pơ, Phù Mỹ, An Lương, Bình Dương, Phù Mỹ Tây, Phù Mỹ Nam, Hoài Nhơn, Bồng Sơn, Hoài Nhơn Nam, Hoài Nhơn Đông, Hoài Nhơn Bắc, Hoài Nhơn Tây, Tam Quan, Tây Sơn, Bình Khê, Bình Phú, Bình Hiệp, Bình An, Bình Định, An Nhơn, An Nhơn Bắc, An Nhơn Nam, An Nhơn Tây, An Nhơn Đông.

¹⁸ Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 04/08/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

¹⁹ Kế hoạch số 27/KH-UBND 07/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

vị thông qua nhiều hình thức, cụ thể: Sở Tư pháp đã phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Gia Lai thực hiện Tạp chí truyền hình “Pháp luật và Đời sống” trên sóng truyền hình Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai 05 tháng cuối năm 2025²⁰, triển khai giới thiệu Trang thông tin điện tử và các kênh thông tin chính thức về Phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai²¹ nhằm tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật đến với toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh triển khai tuyên truyền về Cổng Zalo OA “Hành chính công tỉnh Gia Lai” để nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính²²...

5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

Đến nay, UBND tỉnh đã hoàn thành và thực hiện đúng thời hạn đối với 108/111 nhiệm vụ; UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan có liên quan tham mưu triển khai thực hiện theo quy định đối với 03 nhiệm vụ trong hạn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL):

Trong năm 2025, UBND tỉnh ban hành 173 quyết định, trình HĐND tỉnh ban hành 29 nghị quyết. Các VBQPPL đã được đăng tải kịp thời, đầy đủ lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật tại địa chỉ: vbpl.vn/binhdinh/Pages/home.aspx và vbpl.vn/gialai/Pages/home.aspx.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật (THTHPL): trước sáp nhập, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 09/01/2025 ban hành Kế hoạch theo dõi THTHPL năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 21/01/2025 theo dõi THTHPL và quản lý xử lý vi phạm hành chính năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 13/3/2025 kiểm tra công tác theo dõi THTHPL và công tác thi hành pháp luật về XLVPHC năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. UBND tỉnh ban hành các báo cáo về: kết quả kiểm tra, khảo sát THTHPL năm 2024²³, xử lý kết quả theo dõi THTHPL năm 2024²⁴. Để thực hiện kiểm tra, điều tra, khảo sát THTHPL, Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Đoàn²⁵, tổ chức kiểm tra tại Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh và kiểm tra thông qua báo cáo đối với UBND 03

²⁰ Kế hoạch phối hợp số 11/KHPH-STP-B&PTTH ngày 13/8/2025 của Sở Tư pháp và Đài Phát thanh và Truyền hình Gia Lai.

²¹ Tại Công văn số 495/STP-NV2 ngày 15/8/2025 của Sở Tư pháp giới thiệu Trang thông tin điện tử và các kênh thông tin chính thức về Phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

²² Công văn số 449/VPUBND-PVHCC ngày 15/9/2025 của Văn phòng UBND tỉnh đề nghị phối hợp tuyên truyền về Cổng Zalo OA “Hành chính công tỉnh Gia Lai” để nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính.

²³ Báo cáo số 11/BC-UBND ngày 23/01/2024 về kết quả kiểm tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử; Báo cáo số 10/BC-UBND ngày 23/01/2025 về kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm.

²⁴ Công văn số 1884/UBND-NCVX ngày 11/03/2025

²⁵ Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 13/3/2025 kiểm tra công tác theo dõi THTHPL và công tác thi hành pháp luật về XLVPHC năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

huyện, thị xã²⁶. Sau kiểm tra, các thông báo kết luận đã được gửi cho các cơ quan, đơn vị được kiểm tra để tổ chức thực hiện.

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL)

UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản để triển khai thực hiện công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 22/01/2025 ban hành Kế hoạch PBGDPL; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2025; Kế hoạch truyền thông, phổ biến các luật mới được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 8²⁷; Kế hoạch triển khai thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9²⁸; Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024 - 2030” năm 2025, Đề án “Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025 - 2030”, Đề án “Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện PBGDPL tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024 - 2030” năm 2025, Đề án “Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về nội dung của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn” năm 2025 trên địa bàn tỉnh²⁹,...

Tổ chức triển khai thực hiện chuỗi các hoạt động PBGDPL đều khắp từ tỉnh đến tận trường học và địa bàn cơ sở như: cuộc thi Tìm hiểu pháp luật trực tuyến năm 2025 thu hút 29.398 lượt người tham gia dự thi; Chương trình tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tuyên truyền, PBGDPL kết hợp thi tìm hiểu pháp luật bằng hình thức “rung chuông vàng” cho học sinh 03 trường THPT và tổ chức 06 Hội nghị phổ biến kiến thức pháp luật và kỹ năng hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra đã phát hành 10.000 cuốn Bản tin Tư pháp; biên soạn, phát hành 15.000 cuốn tài liệu hỏi - đáp pháp luật³⁰; Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định xây dựng 06 số Tạp chí truyền hình “Pháp luật và Đời sống”³¹.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa VBQPPL

Công tác tự kiểm tra: thực hiện tự kiểm tra 151 văn bản. Kết quả, các văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành đều đảm bảo về nội dung, hình thức và thẩm quyền ban hành theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Công tác kiểm tra theo thẩm quyền: năm 2025, đã thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền 159/159 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cấp huyện

²⁶ Chư Sê, Chư Puh và Ayun Pa (trước sáp nhập)

²⁷ Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 08/01/2025

²⁸ Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 28/3/2025

²⁹ Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 05/3/2025; Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 26/4/2025; Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 12/6/2025; Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 12/6/2025

³⁰ Về Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Căn cước; Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

³¹ Nội dung: Chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); Quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT ngày 19/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường); hoạt động đào tạo, sát hạch và cấp giấy phép lái xe (Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ, Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an); pháp luật về công chứng; tình hình tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng; công tác hòa giải ở cơ sở

(trước sáp nhập) và HĐND, UBND cấp xã (trước sáp nhập) ban hành. Qua kiểm tra, chưa phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật về nội dung và thẩm quyền.

Công tác rà soát VBQPPL: Thực hiện theo Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 trên địa bàn tỉnh, Sở Tư pháp đã phối hợp với các sở, ban, ngành thực hiện rà soát, tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành các văn bản để sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ 130 văn bản, trong đó có 19 nghị quyết và 111 quyết định. Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 công bố Danh mục VBQPPL của HĐND, UBND tỉnh Bình Định hết hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực một phần năm 2024 và Quyết định số 28/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của UBND tỉnh Gia Lai năm 2024. Theo đó, có 260 văn bản hết hiệu lực toàn bộ, 32 văn bản hết hiệu lực một phần.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2025 của tỉnh Bình Định và Gia Lai (trước sáp nhập)³², Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 05 Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa 14 TTHC; theo đó, số tiền tiết kiệm được ước tính khoảng 900 triệu đồng/năm, tỷ lệ chi phí tiết kiệm được từ 2% đến 16%; ban hành 02 Quyết định³³ thông qua Phương án cắt giảm thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ 1.713 TTHC với tỷ lệ cắt giảm đạt 44,34%, vượt 14,34% so với chỉ tiêu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP (chỉ tiêu 30%). Các sở, ngành thuộc tỉnh đã rà soát, báo cáo Bộ Tư pháp 408 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh có thành phần hồ sơ có thể thay thế ngay bằng dữ liệu và kiến nghị phương án đơn giản hóa.

UBND tỉnh đã ban hành Quy chế liên thông TTHC lĩnh vực Đất đai và Thuế, góp phần giảm 4 lượt đi/lại của người dân, doanh nghiệp và rút ngắn đáng kể thời gian giải quyết TTHC; ban hành Quy chế liên thông các TTHC hành chính lĩnh vực Đầu tư – Nông nghiệp – Môi trường – Xây dựng – Phòng Cháy chữa cháy, rút ngắn từ 252 ngày theo quy định xuống còn 70 ngày. Đồng thời, rút ngắn thời gian cấp giấy phép đăng ký kinh doanh từ 03 ngày làm việc xuống còn 3 giờ làm việc.

Trong năm 2025, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 103 Quyết định công bố Danh mục với 1.196 TTHC (trong đó ban hành mới 185 TTHC, sửa đổi, bổ sung 859 TTHC, thay thế 37 TTHC; bãi bỏ 115 TTHC) thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ban, ngành tỉnh; đã thực hiện việc tích hợp dữ liệu và cập nhật sửa

³² Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Định (cũ) và Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh Gia Lai (cũ).

³³ Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 Thông qua Phương án cắt giảm thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ **235** thủ tục hành chính thuộc phạm vi, trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Gia Lai và Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thông qua Phương án cắt giảm thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ **1.478** thủ tục hành chính thuộc phạm vi, trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

đổi, bổ sung thông tin các TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo quy định; công bố 232 TTHC nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ngành tỉnh; UBND tỉnh cũng đã thông qua Phương án đơn giản hóa cắt giảm thời hạn giải quyết 07 TTHC nội bộ³⁴ với số tiền tiết kiệm được ước tính khoảng 300 triệu đồng/năm, tỷ lệ chi phí tiết kiệm được từ 13,9% đến 14,1%; ban hành 102 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 960 TTHC liên thông và 1.007 TTHC không liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ban, ngành tỉnh.

Thực hiện Công điện số 201/CĐ-TTg ngày 22/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu và hướng dẫn của Bộ Tư pháp; các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh³⁵ theo chức năng, nhiệm vụ được giao đã hoàn thành rà soát đối với 734 TTHC có chứa một trong 15 loại giấy tờ đã có thông tin trên các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và kiến nghị phương án đơn giản hóa TTHC³⁶.

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành danh mục 2.210 TTHC thực hiện phi địa giới hành chính và thường xuyên rà soát công bố bổ sung, bảo đảm 100% TTHC được thực hiện phi địa giới trên địa bàn tỉnh³⁷. Đã triển khai cấu hình việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với 100% thủ tục hành chính của tỉnh đáp ứng yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính phi địa giới trong phạm vi cấp tỉnh bằng phương thức trực tuyến, đảm bảo 100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, giảm tối đa giấy tờ trong giải quyết TTHC. Đồng thời, đã hoàn tất việc cấu hình tính năng trên Hệ thống VNPT - iGate đảm bảo cho việc tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ phi địa giới đối với trường hợp người dân, doanh nghiệp có nhu cầu trực tiếp nộp hồ sơ giấy tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và cấp xã cho 208 thủ tục hành chính thiết yếu, thực tế có phát sinh nhiều giao dịch hồ sơ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 14 Quyết định³⁸ ủy quyền cho các sở, ban, ngành tỉnh giải quyết 258 TTHC được ủy quyền; 02 Quyết định³⁹ phân

³⁴ Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh;

³⁵ Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Ngân hàng Nhà nước khu vực XI

³⁶ Công văn số 1470/STP-VP ngày 30/10/2025 của Sở Tư pháp.

³⁷ Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 12/9/2025; Quyết định số 2720/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

³⁸ (i) Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh; (ii) Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh và (iii) Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh; (iv) Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh; (v) Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh; (vi) Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 22/08/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh; (vii) Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND tỉnh, (viii) Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh; (ix) Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; (x) Quyết định số 2108/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh, (xi) Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 25/09/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, (xii) Quyết định số 2280/QĐ-UBND ngày 17/10/2025, (xiii) Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh, (xiv) Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh; (xv) Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 01/12/2025 của UBND tỉnh.

³⁹ Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 20/09/2025 và Quyết định số 41/2025/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh.

cấp 48 TTHC cho các Sở Công Thương; Sở Nội vụ và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh thực hiện.

- Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông⁴⁰; chỉ đạo⁴¹ yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương khắc phục tình trạng hồ sơ tiếp nhận, xử lý quá hạn trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia để không làm ảnh hưởng trực tiếp đến Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; định kỳ hàng tháng, có báo cáo kết quả giải quyết hồ sơ TTHC và cung cấp danh sách các cá nhân giải quyết hồ sơ TTHC trễ hạn đồng thời công khai trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

Kết quả (từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 14/12/2025) toàn tỉnh tiếp nhận 703.351 hồ sơ, trong đó bao gồm: 219.675 hồ sơ tiếp nhận mới (có 608.414 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến, 73.897 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính công ích), 121.040 hồ sơ tiếp nhận từ kỳ trước chuyển qua.

Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 660.135 hồ sơ, trong đó bao gồm: 566.675 hồ sơ giải quyết trước hạn, 77.880 hồ sơ giải quyết đúng hạn, 15.580 hồ sơ giải quyết trễ hạn.

Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 43.216 hồ sơ, trong đó bao gồm: 24.525 hồ sơ còn trong hạn, 18.691 hồ sơ quá hạn.

- Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC

Việc triển khai công tác số hóa hồ sơ TTHC tại các sở, ngành, địa phương trong năm đạt kết quả tích cực; tỷ lệ số hoá thành phần hồ sơ bình quân chung cả tỉnh đạt 88,21%, vượt chỉ tiêu Chính phủ giao 80%; tỷ lệ tái sử dụng kết quả số hóa bình quân chung cả tỉnh đạt 94,84%, vượt chỉ tiêu do Chính phủ giao 50%.

- Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: đã tiếp nhận 1.075 phản ánh, kiến nghị gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, qua đó xử lý, chuyển cơ quan chức năng trả lời và công khai theo đúng quy định (trong đó, có 911 phản ánh, kiến nghị đã xử lý và 164 phản ánh, kiến nghị đang trong hạn xử lý).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

UBND tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai (cũ) đã ban hành Đề án số 05/ĐALT-UBND ngày 20/6/2025 về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh. Trên cơ sở Đề án được phê duyệt, UBND tỉnh Gia Lai (mới) đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 thành lập 14 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. Sau sắp xếp, trên địa bàn tỉnh có 14 cơ quan chuyên môn⁴², 01 tổ chức hành

⁴⁰ Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh.

⁴¹ Công văn số 6398/UBND-PVHCC ngày 12/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁴² Gồm: 12 Sở được tổ chức thống nhất ở tỉnh: Sở Nội vụ; Sở Tư pháp; Sở Tài chính; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Giáo dục và

chính khác là Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (tổng cộng 84 phòng, 14 chi cục và tương đương). Ở cấp xã, đã thành lập 526 phòng và tương đương trực thuộc UBND cấp xã (gồm: 133 Văn phòng HĐND&UBND cấp xã; 133 phòng kinh tế; 131 phòng Văn hoá – xã hội; 129 Trung tâm Phục vụ hành chính công).

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 1.574 ĐVSNCL, gồm: 09 ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh; 281 ĐVSNCL thuộc Sở, ngành, chi cục (sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 103, sự nghiệp khác: 178); 1.284 ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã (sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 1.165, sự nghiệp khác: 119). UBND tỉnh đã ban hành Phương án số 05/PA-UBND ngày 03/12/2025 tiếp tục sắp xếp, tinh gọn đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh theo nguyên tắc mỗi sở (trừ Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế) chỉ duy trì 01 ĐVSNCL thực hiện chức năng phục vụ quản lý nhà nước, các đơn vị còn lại tự bảo đảm chi thường xuyên trở lên.

- Hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

UBND tỉnh đã ban hành kịp thời Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 14/14 sở và 01 tổ chức hành chính khác (Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh); 14/14 chi cục thuộc sở và tương đương; 09/09 ĐVSNCL trực thuộc UBND tỉnh và 251/251 ĐVSNCL thuộc sở và tương đương. Đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành hướng dẫn nhiệm vụ quyền hạn của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc ĐVSNCL xã, phường.

- Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

Việc quản lý và sử dụng biên chế, số lượng người làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh được thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước. Các cơ quan, đơn vị được giao biên chế, số lượng người làm việc đã thực hiện việc bố trí sắp xếp, tiếp nhận, tuyển dụng người vào làm việc theo đúng nhu cầu, vị trí việc làm, bảo đảm tiêu chuẩn chức danh theo quy định.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định tạm giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc khối chính quyền của tỉnh Gia Lai năm 2025 gồm: 8.681 biên chế công chức, 52.991 người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và tham mưu điều chuyển 113 biên chế cho các tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ về Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh quản lý. Việc giao biên chế, đặc biệt đối với biên chế cán bộ, công chức cho cấp xã được bám sát các quy định của Trung ương về định hướng khung giao biên chế sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp và phù hợp với hiện trạng số công chức cấp xã địa bàn tỉnh.

- Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền

Sau 06 tháng triển khai mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, địa phương cơ bản đã ổn định tổ chức, sắp xếp, kiện toàn bộ máy và bước đầu đáp

ứng yêu cầu đề ra. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã chủ động triển khai các nhiệm vụ đã được Chính phủ, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực phân quyền, phân cấp cho địa phương. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước để tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền hơn nữa tạo sự chủ động cho các cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương⁴³.

Việc Chính phủ và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước đã tạo điều kiện cho tỉnh chủ động trong triển khai các công việc phát sinh trên địa bàn, giảm thời gian giải quyết công việc cho người dân, doanh nghiệp. Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả tích cực, việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền trên thực tế vẫn còn gặp một số khó khăn, vướng mắc nhất định: sau sáp nhập, số lượng và chất lượng đội ngũ công chức tại các đơn vị hành chính cấp xã còn thiếu và yếu. Việc sắp xếp bố trí công chức từ các huyện xuống các xã và giữa các xã chưa đồng đều, nhất là các vị trí chủ chốt ở các xã vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, dẫn đến một số xã còn lúng túng trong việc tiếp nhận, xử lý công việc; trong cùng một thời điểm, cấp xã vừa tiếp nhận nhiệm vụ của cấp huyện và cấp xã cũ vừa tiếp nhận thẩm quyền theo phân cấp từ các bộ, ngành và của cấp tỉnh. Nhiều đơn vị hành chính cấp xã không đủ nhân lực có chuyên môn sâu về lĩnh vực phụ trách như công nghệ thông tin, đất đai, tài chính kế toán.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức

Trong thời gian chờ các Bộ, ngành Trung ương ban hành quy định, hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu viên chức theo chức nghề nghiệp, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ ban hành hướng dẫn tạm thời danh mục vị trí việc làm kèm theo bản mô tả nhiệm vụ và khung năng lực theo từng VTVL và định hướng bố trí nhân lực theo vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc HĐND và UBND ở cấp xã⁴⁴. Theo đó, danh mục vị trí việc làm gồm 04 nhóm: VTVL lãnh đạo, quản lý (gồm 06 chức danh cán bộ cấp xã, 06 chức danh công chức lãnh đạo, quản lý); VTVL nghiệp vụ chuyên ngành (19 vị trí trên các lĩnh vực: tổng hợp công tác HĐND, tổng hợp công tác UBND, tư pháp, hộ tịch, tài chính – kế hoạch...); VTVL chuyên môn dùng chung (06 vị trí); VTVL hỗ trợ, phục vụ (03 vị trí).

- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển)

Về tuyển dụng công chức: UBND tỉnh Gia Lai (cũ) đã ban hành Kế hoạch số 791/KH-UBND ngày 05/4/2024 về việc tuyển dụng công chức vào làm việc ở các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện của tỉnh Gia Lai năm 2024.

⁴³ Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 14/10/2025 của UBND tỉnh.

⁴⁴ Văn bản số 416/SNV-TCBC ngày 24/7/2025 của Sở Nội vụ

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, một số vị trí việc làm và chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng tại Kế hoạch tuyển không còn hoặc đã thay đổi. Do đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát chỉ tiêu biên chế, vị trí việc làm sau khi sắp xếp đơn vị hành chính để bố trí cho 71 thí sinh dự kiến trúng tuyển. Đến nay, Sở Nội vụ đã tổ chức đối thoại với các thí sinh dự kiến trúng tuyển và đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương có ý kiến về việc bố trí trúng tuyển trước khi trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

Về tuyển dụng viên chức: Từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đến nay, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh chưa thực hiện công tác tuyển dụng viên chức.

- Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức: Chủ tịch UBND tỉnh đã quyết định bổ nhiệm 121 lãnh đạo, quản lý cấp Sở và tương đương đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình, quy định.

- Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị

Về thi nâng ngạch công chức: Hiện nay, theo quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2025 và Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức thì công chức không còn hình thức thi nâng ngạch, việc xếp ngạch công chức được thực hiện khi thay đổi vị trí việc làm.

Về thăng hạng viên chức: Chưa thực hiện vì các cơ quan, đơn vị, địa phương đang chờ các bộ, ngành hướng dẫn xây dựng vị trí việc làm để làm cơ sở triển khai thực hiện thăng hạng viên chức.

Về thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị: Tỉnh Gia Lai chưa có chủ trương triển khai thực hiện việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch kiểm tra và thành lập Tổ kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2025⁴⁵. Đến nay, Tổ kiểm tra đã thực hiện kiểm tra trực tiếp tại 32 UBND xã, phường trên địa bàn tỉnh. Nội dung kiểm tra tập trung vào việc ban hành các quy chế, quy định để quản lý, điều hành; việc ban hành kế hoạch kiểm tra công vụ theo chỉ đạo của UBND tỉnh; việc giải quyết thủ tục hành chính; việc chấp hành nội quy, quy chế, giờ giấc làm việc; việc trang bị bảng tên, thẻ đeo công chức; về tiếp công dân, giải quyết đơn thư;...

⁴⁵ Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở của cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 về việc thành lập Tổ kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở của cán bộ, công chức, viên chức.

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Xác định công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, là một trong những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách sau khi chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành các Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã⁴⁶ nhằm mục tiêu trang bị cho CBCCVC cấp xã những kiến thức pháp lý cơ bản, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ trên các lĩnh vực trọng tâm như: tài chính, xây dựng, công thương, nông nghiệp và môi trường, y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa - thể thao và du lịch, nội vụ, văn phòng, tư pháp, thống kê, dân tộc và tôn giáo. Theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh đã trực tiếp nghe một số sở, ngành (các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh) báo cáo các nội dung đào tạo, bồi dưỡng thuộc nhiệm vụ của đơn vị. Trên cơ sở đó, các sở, ngành hoàn thiện nội dung, tài liệu và tổ chức các lớp tập huấn theo tinh thần “cầm tay chỉ việc” cho CBCCVC cấp xã. Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, Sở Nội vụ đã triển khai hướng dẫn các sở, ngành xây dựng kế hoạch; tiếp tục cập nhật, bổ sung, hoàn thiện tài liệu bồi dưỡng, tập huấn ngắn gọn, khoa học, cụ thể, sát với nhiệm vụ và nhu cầu của cán bộ, công chức, viên chức cấp xã để tổ chức bồi dưỡng, tập huấn đạt hiệu quả, đồng thời gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tiếp tục số hóa, cập nhật “Sổ tay điện tử đào tạo, bồi dưỡng”. Kết quả, các sở ngành đã tổ chức bồi dưỡng cho 6.276 lượt CBCCVC. Trong đó, bồi dưỡng trực tuyến cho 4.813 lượt CBCCVC, bồi dưỡng trực tiếp cho 1.453 lượt CBCCVC.

UBND tỉnh đã tổ chức các lớp bồi dưỡng cho 6.984 cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Định (cũ), đồng thời đã đăng ký tập huấn với Bộ Khoa học và Công nghệ về nội dung “chuyên đổi số, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong mô hình chính quyền 2 cấp” cho 5.307 cán bộ công chức cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai cũ⁴⁷.

- Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước ở cơ quan, địa phương

UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh quyết định áp dụng các Nghị quyết của HĐND tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) trong phạm vi địa bàn tỉnh Gia Lai (sau sắp xếp) đối với các chính sách về thu hút, ưu đãi bác sĩ, dược sĩ, chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo. Trong kỳ báo cáo, Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt 132 nhu cầu thu hút bác sĩ, dược sĩ tại các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định.

5. Về cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách

+ Tổng thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn (chưa kể thu huy động đóng góp, thu bổ sung từ ngân sách Trung ương) ước thực hiện năm 2025 là 25.950 tỷ đồng, vượt 7,7% so với dự toán, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, thu nội địa ước thực hiện 25.243 tỷ đồng, vượt 10,2% so với dự toán

⁴⁶ Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 09/7/2025 và Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 28/8/2025 của UBND tỉnh.

⁴⁷ Công văn số 3627/SNV-CCVC ngày 09/11/2025 của Sở Nội vụ về việc đăng ký số lượng, nội dung tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức cấp xã

năm, tăng 15,3% so với cùng kỳ. Nếu loại trừ tiền sử dụng đất, thu cổ tức lợi nhuận được chia, lợi nhuận để lại và thu xổ số kiến thiết, thu nội địa ước thực hiện 13.860 tỷ đồng, đạt 100,3% so với dự toán năm, tăng 6,1% so với cùng kỳ. Phần đầu trong điều kiện bình thường, tổng thu ngân sách nhà nước năm 2025 ước thực hiện là 27.000 tỷ đồng, vượt 12,1% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 17,7% so với cùng kỳ, trong đó thu nội địa (trừ tiền sử dụng đất; thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận còn lại, xổ số kiến thiết) là 14.910 tỷ đồng, vượt 7,9% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 14,2% so với cùng kỳ.

Trong cơ cấu nguồn thu, có 14/17 khoản thu ước thực hiện đạt và vượt dự toán HĐND tỉnh giao, trong đó, một số khoản thu tăng so với cùng kỳ như: thu DNNN trung ương (vượt 18,7% so với dự toán năm và tăng 8,8% so với cùng kỳ); thu từ DNNN địa phương (vượt 46,8% so với dự toán năm và tăng 32,3% so với cùng kỳ), thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài (vượt 40,6% so với dự toán năm và tăng 13,1% so với cùng kỳ), thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh (vượt 10,6% so với dự toán năm và tăng 6,1% so với cùng kỳ), thu tiền sử dụng đất (vượt 25,4% so với dự toán năm, tăng 29% so với cùng kỳ)...

+ Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 44.269 tỷ đồng, đạt 102,3% so với dự toán. Trong đó, chi ngân sách tỉnh (bao gồm ngân sách cấp huyện) 28.447,2 tỷ đồng, đạt 103,6% so với dự toán năm và chi ngân sách xã, phường 15.822,3 tỷ đồng, đạt 100% so với dự toán năm.

Việc thực hiện dự toán chi chặt chẽ, tiết kiệm, chống lãng phí, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Việc điều hành chi ngân sách của các cấp chính quyền địa phương trong khả năng cân đối nguồn thu của địa phương, đã bám sát theo dự toán được HĐND các cấp thông qua và cơ bản đáp ứng kịp thời các khoản chi được giao và cấp thiết khác.

+ Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công: tính đến ngày 11/12/2025: tổng giá trị giải ngân kế hoạch vốn giao là 11.381,645 tỷ đồng: (i) so với kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ giao 15.163,773 tỷ đồng (11.381,645/15.163,773 tỷ đồng) đạt 75,06%; (ii) so với kế hoạch vốn do Hội đồng nhân dân tỉnh giao (11.381.645/19.047,837 tỷ đồng) đạt 59,75%.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công

UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản công và sử dụng máy móc, thiết bị, xe ô tô bảo đảm theo các quy định Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và các quy định hiện hành.

Trước ngày 01/7/2025, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định quyết định điều chuyển 25 trụ sở làm việc giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; giao nhiệm vụ quản lý, khai thác nhà, đất là tài sản công cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ; Phê duyệt Phương án sắp xếp, xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thuộc cấp huyện khi sắp xếp đơn vị hành chính 02 cấp làm cơ sở

để các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản; giao 380 trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện cũ sang cho UBND cấp xã và cơ quan, đơn vị được tiếp nhận tài sản để quản lý, sử dụng, xử lý theo quy định; xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp dôi dư, làm cơ sở rà soát, xử lý nhà, đất dôi dư đảm bảo chặt chẽ, kịp thời⁴⁸... mua sắm 06 xe ô tô, thanh lý 25 xe ô tô, điều chuyển 18 xe ô tô⁴⁹.

Từ ngày 01/7/2025 đến nay, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch xử lý đối với tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp dôi dư⁵⁰; Phê duyệt phương án xử lý đối với 894 cơ sở nhà, đất dôi dư⁵¹; Quyết định giao 63 cơ sở nhà, đất cho cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quản lý; điều chuyển 172 cơ sở nhà, đất; chuyển giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh quản lý, xử lý 36 cơ sở nhà, đất; chuyển giao cho UBND cấp xã quản lý, xử lý 615 cơ sở nhà, đất; bố trí các trụ sở thuộc tỉnh quản lý cho cơ quan trung ương sử dụng tạm thời trong thời gian 5 năm; tiếp nhận xử lý các cơ sở nhà, đất của cơ quan trung ương chuyển giao về địa phương; ban hành các quyết định xử lý nhà, đất (giao, điều chuyển, chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý) đối với 883 cơ sở nhà, đất; ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan nhằm bảo đảm việc sử dụng hiệu quả tài sản công, duy trì cơ sở vật chất ổn định, thông suốt cho hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước.... thanh lý 08 xe ô tô, điều chuyển 08 xe ô tô; trang bị 152 xe ô tô phục vụ công tác chung cho 134 xã, phường trên địa bàn tỉnh; đảm bảo mỗi xã, phường có tối thiểu 01 xe ô tô phục vụ công tác chung (trừ xã Nhơn Châu). ngày 01/12/2025, UBND tỉnh có Quyết định số 2859/QĐ-UBND về việc sử dụng nguồn kinh phí trung ương bổ sung phục vụ sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp tại Quyết định số 1953/QĐ-TTg ngày 10/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó thống nhất chủ trương bố trí kinh phí cho 66 xã, phường và 05 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh để mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung. Thực hiện 02 gói thầu mua sắm tập trung là 18 xe ô tô cho 18 cơ quan, đơn vị với tổng giá trị dự toán được duyệt là 18.830.500.000 đồng, giá trị trúng thầu là 18.823.500.000 đồng, tiết kiệm cho ngân sách 7.000.000 đồng góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công và đáp ứng kịp thời nhu cầu hoạt động của chính quyền cơ sở.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập: triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo; giáo dục nghề nghiệp; y tế - dân số; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông; khoa học và công nghệ; các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác trên địa bàn tỉnh. Tính đến thời điểm báo cáo, có tổng cộng 267/267 đơn vị khối tỉnh được giao quyền tự chủ về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó: 12 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên

⁴⁸ Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Bình Định (trước sáp nhập) và Kế hoạch số 1756/KH-UBND ngày 18/6/2025 của UBND tỉnh Gia Lai (trước sáp nhập)

⁴⁹ Tỉnh Bình Định (trước sáp nhập) mua sắm 03 xe ô tô, thanh lý 11 xe ô tô; tỉnh Gia Lai (trước sáp nhập) mua sắm 03 xe ô tô và thanh lý 14 xe ô tô, điều chuyển 18 xe ô tô

⁵⁰ Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 22/10/2025 của UBND tỉnh.

⁵¹ Quyết định số 2520/QĐ-UBND ngày 08/11/2025 của UBND tỉnh.

và chi đầu tư; 23 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên; 121 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; 111 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

Năm 2025, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo triển khai công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, gồm: 19 Quyết định, 24 Kế hoạch, như: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 20/8/2025 triển khai Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 29/7/2025 về đẩy mạnh truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh; Quy chế quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống phòng họp không giấy tỉnh Gia Lai⁵²; Quyết định thành lập Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Gia Lai⁵³.

Tỉnh ủy thành lập Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban; UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, cải cách hành chính, chuyển đổi số và Đề án 06 do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban. Đồng thời, Ban Chỉ đạo đã thành lập các Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh. Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành các quyết định, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ. Kế hoạch hành động đã đề ra các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Ngày 09/9/2025, UBND tỉnh Gia Lai và Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông quân đội đã ký Thỏa thuận hợp tác về Chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030.

- Kết quả xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật

Hạ tầng viễn thông, internet phát triển rộng với hệ thống cáp quang được triển khai rộng khắp hầu hết các xã, phường trên địa bàn tỉnh. Tổng số vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động là 4.323 vị trí với 8.541 trạm⁵⁴.

Tại phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai hiện có 02 tuyến cáp quang biển quốc tế cập bờ, gồm: tuyến cáp ADC với dung lượng kết nối 18 Tbps (do Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội Viettel đầu tư) và tuyến cáp SJC2 với dung

⁵² Quyết định số 1621/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh.

⁵³ Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh.

⁵⁴ (Trong đó, trạm phát sóng xây dựng theo chuẩn công nghệ trạm 2G là 1.716 trạm, tỷ lệ 20,1%; trạm 3G là 2.589 trạm, tỷ lệ 30,3%; trạm 4G là 4.032 trạm, tỷ lệ 47,2%; trạm 5G là 204 trạm, tỷ lệ 2,4%). Tỷ lệ phủ sóng di động và băng rộng di động đã đạt 100% tại trung tâm các xã, phường và 99,9% tại các thôn, làng, với 2.692/2.693 thôn, làng đã có sóng. Hạ tầng mạng băng rộng cố định đang duy trì mức độ bao phủ cao, đạt 100% tại trung tâm xã, phường và đạt 99,4% tại các thôn, làng (2.677/2.693 thôn; còn 16 thôn chưa có mạng băng rộng cố định). Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang đạt 82%. (708.890 thuê bao /864.510 hộ gia đình).

lượng kết nối 9 Tbps (do Tập đoàn Bưu chính, Viễn thông đầu tư), góp phần đảm bảo chất lượng, độ ổn định của kết nối Internet trên địa bàn.

Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm tích hợp dữ liệu (THDL) hiện có 40 máy chủ, cung cấp dịch vụ ảo hóa trên nền điện toán đám mây (Cloud computing) trên 280 máy chủ ảo, tổng dung lượng lưu trữ trên 300 TB, đáp ứng cơ bản nhu cầu vận hành hiện tại. Trung tâm THDL đang duy trì, vận hành các hệ thống thông tin dùng chung và các hệ thống quan trọng của tỉnh sau sáp nhập (Hệ thống Văn bản điều hành; Trục liên thông; Hội nghị truyền hình trực tuyến; Thư điện tử công vụ; Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu – LGSP; các dịch vụ, giám sát điều hành thông minh – IOC; hosting công/trang thông tin điện tử; ứng dụng Công dân số; các CSDL chuyên ngành...).

Mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) cấp II đã được triển khai đến 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Công tác chuyển đổi giao thức Internet thế hệ mới được đẩy mạnh với 100% công/trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành đã hoàn thành việc chuyển đổi sang IPv6.

- Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng:

Các hệ thống nền tảng trong năm được duy trì, vận hành tốt phục vụ công tác quản lý, điều hành, tác nghiệp của cơ quan nhà nước trên môi trường số, bao gồm: Nền tảng LGSP, Hệ thống họp giao ban trực tuyến 4 cấp, Hệ thống Văn phòng điện tử, Chữ ký số trên USB Token và SIM, Hệ thống thư điện tử công vụ, Hệ thống Trang thông tin điện tử các cơ quan nhà nước, Hệ thống thông tin trên nền tảng mạng xã hội⁵⁵.

Tỉnh đang vận hành các nền tảng số phục vụ quản lý, điều hành: Sổ tay điện tử <https://sotaydientu.gialai.gov.vn/> phục vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp xã; Gia Lai Dashboard <https://dashboard.gialai.gov.vn/> là hệ thống tổng hợp, phân tích và trực quan hóa dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành; Hệ thống thông tin cấp xã <https://xa.gialai.gov.vn/>, cung cấp dữ liệu kinh tế – xã hội, dữ liệu nhân sự chủ chốt và địa giới hành chính cấp xã, là kênh thông tin chính thức phục vụ quản lý, điều hành, đồng thời đáp ứng nhu cầu khai thác của người dân và doanh nghiệp; hệ thống thông tin kinh tế - xã hội 2 cấp <https://datagov.gialai.gov.vn/>. Duy trì hiệu quả các hệ thống thông tin: Hệ thống thông tin quản lý trường học <https://sgdgialai.ioc.edu.vn/>; hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức <https://quanlycbccvc.gialai.gov.vn/>; hệ thống thông tin phòng chống thiên tai <https://thientai.gialai.gov.vn/>; hệ thống giám sát khai thác khoáng sản...

⁵⁵ Hệ thống văn phòng điện tử đã được triển khai tới 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối liên thông với Trục liên thông văn bản quốc gia, hệ thống văn bản điện tử của khối các cơ quan Đảng để phục vụ gửi nhận văn bản điện tử 3 cấp giữa các cơ quan Đảng, chính quyền. Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh được duy trì hoạt động ổn định, 100% cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đều được cấp hộp thư điện tử công vụ; Hệ thống phòng họp không giấy đã được triển khai sử dụng tại HĐND tỉnh và UBND tỉnh để phục vụ các cuộc họp, đảm bảo mục tiêu phục vụ tốt công tác triển khai cuộc họp nhanh chóng, tiết kiệm chi phí in ấn tài liệu, giúp hiện đại hóa hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Đối với các cơ quan Đảng, hiện đang triển khai một số phần mềm đặc thù do Trung ương triển khai: Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp Lotus Notes, Phần mềm thông tin chuyên ngành về công tác Tổ chức xây dựng Đảng.

- Kết quả xây dựng và phát triển dữ liệu:

Triển khai và đưa vào sử dụng Hệ thống thông tin phòng chống thiên tai; Hệ thống Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức. Triển khai nền tảng Signet cho cán bộ công chức, viên chức trên toàn tỉnh; số lượng cài đặt 27.506 lượt, đạt tỷ lệ 71,5%. Triển khai hệ thống thông tin Kinh tế - Xã hội 02 cấp; ứng dụng “Thông tin cấp xã” tổng hợp các dữ liệu quan trọng về từng xã, phường trên địa bàn tỉnh. Dữ liệu, hệ thống của các ban, sở, ngành đã được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh.

- Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ

Tỉnh đã thực hiện ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các dự án thuộc các ngành, lĩnh vực quan trọng như: Ứng dụng công nghệ GIS, viễn thám, địa kỹ thuật và trí tuệ nhân tạo để khoanh vùng và cảnh báo tình trạng trượt lở đất, đá tại các khu vực trọng điểm tỉnh. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong nhận diện và cảnh báo một số loại sâu, bệnh hại lúa trên địa bàn tỉnh. Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh (IOC). Hệ thống giám sát khai thác khoáng sản bằng camera AI, AI chẩn đoán hình ảnh (CT, MRI, X-Quang). Ứng dụng các phần mềm trong công tác quản lý ngành văn hóa và thể thao như: Phần mềm quản lý thư viện ilib 8.0; tạo mã QR giới thiệu thông tin về các chương trình, sự kiện, lễ hội du lịch, về các Danh thắng, Di tích lịch sử của tỉnh; Hệ thống giám sát và phân tích thông tin trên Internet; phần mềm quản lý thông tin báo chí viết về tỉnh; công cụ Trợ lý ảo cho cán bộ, công chức tại các cơ quan, đơn vị.

Các sở, ban, ngành đã tập trung xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết hợp xây dựng Kho dữ liệu số. Đến nay, đã cơ bản hoàn thành các hệ thống ưu tiên triển khai: Hệ thống thông tin quản lý đất đai; Hệ thống giám sát khai thác khoáng sản; Hệ thống thông tin quản lý trường học (CSDL về giáo viên, học sinh); Hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức, Hệ thống thông tin phòng chống thiên tai; Hệ thống thông tin quản lý công tác đầu tư công của tỉnh; Hệ thống dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân được kết nối, liên thông từ các phần mềm Quản lý tổng thể bệnh viện (HIS), quản lý y tế cơ sở, tiêm chủng mở rộng và đã được liên thông với ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử tích hợp vào VneID; Hệ thống phần mềm trạm y tế xã được kết nối liên thông dữ liệu phần mềm HIS với dữ liệu với tuyến huyện, tuyến tỉnh; Các hệ thống thông tin tài chính;... từng bước kết nối, chia sẻ dữ liệu vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh đã được kết nối thông suốt từ cấp tỉnh đến các sở, ban, ngành và 135 xã, phường, với 200 điểm cầu, đáp ứng hiệu quả yêu cầu tổ chức các cuộc họp và chỉ đạo điều hành của tỉnh.

Hệ thống phần mềm văn phòng điện tử đã triển khai đồng bộ trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; tỷ lệ thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử được ký số liên thông giữa các cơ quan trong tỉnh, liên thông với các bộ, ngành Trung ương qua Trực liên thông văn bản quốc gia đạt 100%.

Đã phối hợp với Cục A05 – Bộ Công an triển khai cài đặt nền tảng Signet cho cán bộ công chức, viên chức trên toàn tỉnh với 27.506 tài khoản để phục vụ công tác thông tin liên lạc, trao đổi, truyền tải tài liệu, văn bản trong công việc, bảo đảm an toàn, bảo mật, an toàn thông tin.

Tiếp tục xây dựng, phát triển CSDL chuyên ngành kết hợp với xây dựng Kho dữ liệu số theo Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của UBND tỉnh. Số lượng CSDL đã kết nối thành công giữa LGSP của tỉnh với các Cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) và các hệ thống khác bao gồm: 1856. Hệ thống Hệ thống thông tin Bộ, ngành/ CSDLQG đã kết nối với LGSP của tỉnh, 1057 hệ thống thông tin Bộ, ngành/ CSDLQG đã kết nối với Hệ thống thủ tục hành chính của tỉnh. 100% các cơ, quan đơn vị địa phương đã xây dựng, cập nhật nội dung thông tin trên Cổng/trang thông tin điện tử theo quy định.

Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Gia Lai đã được kết nối đến 3.601 cụm loa/ 5.000 cụm loa thông minh trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 18/6/2025 của UBND tỉnh về thực hiện số hoá tài liệu lưu trữ cấp huyện trong quá trình sắp xếp, tổ chức bộ máy, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã hoàn thành việc số hóa những tài liệu có tính pháp lý và giá trị bảo quản vĩnh viễn, đã được chỉnh lý khoa học, đảm bảo tính trung thực, theo trật tự của hồ sơ, tài liệu và tuân thủ các quy trình kỹ thuật do phần mềm cung cấp: số hóa 2.657.420/2.657.420 trang văn bản (đạt tỷ lệ 100%); trong đó: Cấp tỉnh đã thực hiện số hóa 298.317/298.317 trang văn bản, đạt tỷ lệ 100%; cấp huyện đã thực hiện số hóa 1.178.099/1.178.099 trang văn bản, đạt tỷ lệ 100%; cấp xã đã thực hiện số hóa 1.181.004/1.181.004 trang văn bản, đạt tỷ lệ 100%.

Thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch CSDL quốc gia về đất đai, UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ công tác cấp tỉnh triển khai chiến dịch làm giàu, làm sạch CSDL quốc gia về đất đai trên địa bàn tỉnh và ban hành Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 25/9/2025 về việc thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch CSDL quốc gia về đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai, theo đó đã đối khớp, đồng bộ dữ liệu giữa CSDL đất đai đang vận hành tại địa phương với CSDL quốc gia về đất đai cho: 2.053.343/2.062.125 thửa đất⁵⁸.

- Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng dịch vụ người dân, doanh nghiệp

⁵⁶ 18 hệ thống thông tin Bộ, ngành/ CSDLQG đã kết nối với LGSP của tỉnh gồm: CSDL về đăng ký doanh nghiệp; CSDL về bảo hiểm; CSDL về đất đai; CSDL về văn bản QPPL; CSDL về giá; CSDL đăng kiểm phương tiện; CSDL cấp phiếu lý lịch tư pháp; CSDL thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch; CSDL cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách; CSDL thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam; CSDL quản lý giao thông vận tải; CSDL phục vụ dịch vụ công của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam; CSDL CBCCVC; CSDL đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội; CSDL cấp giấy phép lái xe; CSDL hệ thống thông tin nguồn; Hệ thống cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua ứng dụng VneID; Dịch vụ chuyển phát bưu điện Việt Nam (VNPOST) theo mô hình 2 cấp.

⁵⁷ 10 hệ thống thông tin Bộ, ngành/ CSDLQG đã kết nối với Hệ thống TTHC của tỉnh, gồm: CSDL về đăng ký doanh nghiệp; CSDL về dân cư; CSDL về đất đai; CSDL đăng kiểm phương tiện; Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến; Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch; Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách; Hệ thống Quản lý CBCCVC; Hệ thống cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua ứng dụng VneID; Dịch vụ chuyển phát bưu điện Việt Nam (VNPOST) theo mô hình 2 cấp.

⁵⁸ Báo cáo số 153/BC-UBND ngày 29/11/2025 của UBND tỉnh về Báo cáo tổng kết triển khai thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Các cơ sở khám chữa bệnh trên toàn tỉnh đã triển khai hệ thống thông tin quản lý bệnh viện (HIS); triển khai bệnh án điện tử. Hoàn thành liên thông dữ liệu kết quả Giấy chứng sinh, Giấy báo tử đối với 100% cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ công liên thông “Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi” (dịch vụ công thiết yếu của Đề án 06). Hoàn thành việc liên thông dữ liệu kết quả Giấy khám sức khỏe lái xe đối với 100% cơ sở y tế có chức năng khám sức khỏe giấy phép lái xe trên địa bàn tỉnh phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình “Cấp đổi giấy phép lái xe”. 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh (bao gồm các trạm y tế và phòng khám đa khoa) đã trang bị máy quét thẻ CCCD gắn chip. 100% cơ sở khám chữa bệnh đã triển khai thành công Bệnh án điện tử (EMR). 100% cơ sở khám chữa bệnh đã triển khai KIOSK y tế thông minh: Hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ tiện ích (tra cứu, thanh toán viện phí, đăng ký khám chữa bệnh...), góp phần cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ. 100% Nhà thuốc, Quầy thuốc và Doanh nghiệp bán buôn thuốc trên địa bàn tỉnh đã được định danh điện tử trên VNeID.

Duy trì hệ thống học bạ điện tử, hệ thống quản lý trường học, sổ theo dõi và đánh giá điện tử của 100 % học sinh theo quy chuẩn của Bộ GD&ĐT, đảm bảo mỗi học sinh có mã (ID) duy nhất và có hồ sơ, học bạ điện tử, hệ thống quản lý trường học được triển khai đến 100% trường thuộc các cấp.

Triển khai dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt đến 100% trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. Các ngân hàng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ như VNPT, Viettel, Mobile đã tích cực phối hợp với Tổ CNCĐ để triển khai hướng dẫn cho người dân, các tiểu thương cài đặt, sử dụng mô hình chợ 4.0. Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh đã đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ, mở rộng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt qua ATM, POS, QR code, Internet Banking và Mobile Banking⁵⁹.

Đến nay, đã có 3.281/3.756 hộ kinh doanh đã kết nối, sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền, tỷ lệ thực hiện đạt 87,35%.

Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 23/9/2021 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy kinh tế số nông nghiệp, nông thôn, đã tổ chức 11 Lớp đào tạo, tập huấn hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử. Đến nay đã tập huấn kỹ năng số cho gần 576/706 hộ sản xuất nông nghiệp, đạt tỷ lệ 81,6%. Công tác hỗ trợ quảng bá các hàng hoá sản xuất nông nghiệp và các sản phẩm OCOP trên sàn thương mại điện tử được quan tâm, đẩy mạnh.

⁵⁹ Đến ngày 30/8/2025, trên địa bàn tỉnh Gia Lai có 473 máy ATM, 4.981 thiết bị POS/EFTPOS/EDC và 4.164 đơn vị chấp nhận thẻ. Hầu hết ngân hàng đều có ứng dụng thanh toán trực tuyến tích hợp nhiều tiện ích, khuyến mãi, ưu đãi nhằm khuyến khích thanh toán không dùng tiền mặt. Mạng lưới QR code được triển khai rộng tại chợ, cửa hàng, doanh nghiệp. Triển khai nhiều chính sách ưu đãi đối với đối tượng nhận chi trả an sinh xã hội khi mở, sử dụng tài khoản ngân hàng để nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Triển khai nhiều chương trình ưu đãi kèm quà tặng khuyến khích học sinh, sinh viên (dù 15 tuổi) mở tài khoản thanh toán. Tập trung phát triển các sản phẩm vay vốn, gửi tiết kiệm, mở tài khoản 100% trên kênh số với quy trình đơn giản, giảm thiểu giấy tờ tạo thuận lợi cho khách hàng giao dịch.

Đã tổ chức 03 lớp tập huấn mô hình “Chợ số - Nông thôn số” trên địa bàn tỉnh, qua đó hỗ trợ tiểu thương, nông dân và người dân học tập mô hình 4T (Tiểu thương - Thương mại điện tử - Thanh toán không dùng tiền mặt - Tiết kiệm số); nâng cao nhận thức của tiểu thương về kỹ năng sử dụng công nghệ số và thương mại điện tử; mở rộng thị trường từ chợ truyền thống ra môi trường trực tuyến; tăng cường kết nối giữa tiểu thương và người tiêu dùng thông qua các kênh thương mại điện tử, đồng thời nâng cao nhận thức của người tiêu dùng về sản phẩm từ chợ truyền thống trên nền tảng trực tuyến.

Triển khai cho người sử dụng ứng dụng VNeID: Toàn tỉnh tính đến ngày 01/12/2025 là 2.751.743 công dân có thẻ CC/CCCD (tỷ lệ 98,49% so với 2.793.815 công dân đủ điều kiện), duyệt cấp 2.314.551 tài khoản VNeID (tỷ lệ 82,85% so với công dân đủ điều kiện), kích hoạt, sử dụng 2.137.899 tài khoản VNeID (tỷ lệ 76,52% so với công dân đủ điều kiện).

Tiếp tục triển khai cấp chữ ký số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân trên địa bàn tỉnh, góp phần thúc đẩy giao dịch điện tử và nâng cao hiệu quả cải cách hành chính. Đến ngày 15/12/2025, Trên địa bàn tỉnh, Ban Cơ yếu Chính phủ đã cấp 28.556 chứng thư số cho tổ chức, cá nhân (trong đó 21.090 USB token, 1.890 SIM PKI và 5.576 chữ ký số tập trung RSSP); phối hợp với các doanh nghiệp cấp chữ ký số công cộng cho 100% cán bộ công chức viên chức và cho hơn 292.000 người dân trong độ tuổi trưởng thành.

Công tác đối chiếu sinh trắc học qua CCCD gắn chip và ứng dụng VNeID được các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai mạnh mẽ, với tỷ lệ hồ sơ khách hàng được đối chiếu đạt hơn 100% tổng lượng tài khoản phát sinh giao dịch trên kênh số. Hiện có 26/33 TCTD triển khai xác thực CCCD qua ứng dụng di động, 23/33 triển khai tại quầy; 20/33 triển khai tài khoản định danh – xác thực điện tử (VNeID), trong đó 09 đơn vị đã vận hành chính thức. Công tác làm sạch dữ liệu theo yêu cầu C06 được 10/33 TCTD ký kết triển khai; 14/33 TCTD đã liên kết tài khoản an sinh xã hội với tài khoản ngân hàng phục vụ chi trả an sinh xã hội qua VNeID.

- Tình hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Hoàn thành xây dựng, tích hợp, đồng bộ dữ liệu giữa Hệ thống TTHC tỉnh Gia Lai với Cổng Dịch vụ công quốc gia, đáp ứng yêu cầu sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia là kênh tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến duy nhất theo chỉ đạo của Trung ương.

Tỉnh đã cung cấp 1.098 DVCTT toàn trình (đạt tỷ lệ 100% số DVC đủ điều kiện, số lượng còn lại hiện đang trong quá trình kiểm thử trên Cổng Dịch vụ công quốc gia). Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt 96,3%. Công tác số hóa hồ sơ TTHC, tái sử dụng dữ liệu và thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đều đạt và vượt các chỉ tiêu theo quy định. Tỷ lệ số hóa đạt 92%, tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu đạt 95%, tỷ lệ cấp kết quả điện tử đạt 93%. Chỉ số “Phục vụ người dân, doanh nghiệp” đến nay đạt 94,9 điểm, xếp vị trí thứ 3/34, thuộc nhóm các địa phương có điểm xuất sắc.

UBND tỉnh đã triển khai mô hình đại lý dịch vụ công trực tuyến tại các phòng giao dịch của ngân hàng và bưu điện văn hóa xã. Hiện đang triển khai mô

hình “Lực lượng vũ trang tham gia hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện DVC trực tuyến”⁶⁰.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Trên cơ sở bám sát các chỉ tiêu và nhiệm vụ CCHC do Chính phủ cùng các Bộ, ngành Trung ương giao, UBND tỉnh đã chủ động cụ thể hóa thành hệ thống kế hoạch và quyết định chi tiết. Những nhiệm vụ này không chỉ dừng lại ở văn bản chỉ đạo mà được chuyển hóa thành các đầu việc rõ ràng, gắn với trách nhiệm cụ thể của từng cấp, từng ngành; đồng thời luôn được theo sát bởi công tác kiểm tra, đôn đốc thường xuyên nhằm đảm bảo tiến độ triển khai đồng bộ trên toàn tỉnh.

Một trong những thành tựu nổi bật là việc triển khai quyết liệt chủ trương của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và tổ chức bộ máy chính quyền địa phương hai cấp. Đến nay, toàn bộ các đơn vị mới đã chính thức đi vào hoạt động với bộ máy xã, phường vận hành ổn định, nền nếp. Các thiết chế phục vụ nhân dân được kiện toàn và bố trí đầy đủ, hoạt động theo phương châm “*gần dân hơn, sát dân hơn, phục vụ nhân dân tốt hơn*”, từ đó đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý nhà nước và tạo động lực mới cho sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Trong quá trình thực hiện, các cơ quan và đơn vị trên địa bàn đã luôn giữ vững định hướng lãnh đạo của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh, trong đó lấy việc hoàn thiện thể chế làm nền tảng để đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số. Đặc biệt, Thủ trưởng một số cơ quan, đơn vị, địa phương đã tích cực, chủ động, phát huy vai trò của Người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ CCHC của đơn vị với tư duy đổi mới, chủ động, sáng tạo; qua đó không những giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác chỉ đạo, điều hành CCHC mà còn góp phần hoàn thành tốt các nhiệm vụ CCHC năm 2025 gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

Song song với việc kiện toàn bộ máy, công tác điều hành CCHC cũng được triển khai toàn diện trên cả 06 lĩnh vực với sự ưu tiên tập trung cho những nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách. Tỉnh đã thực hiện quyết liệt việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, đồng thời cụ thể hóa các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Đề án 06 vào thực tiễn. Đi đôi với đó là công tác rà soát, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt đối với địa phương cấp xã, nhằm từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp, xây dựng một nền hành chính chuyên nghiệp, tinh gọn và hiệu quả.

Điểm sáng đáng chú ý trong bức tranh CCHC năm qua chính là sự gắn kết mật thiết giữa cải cách TTHC và chuyển đổi số. Nhiều mô hình, sáng kiến mang tính đột phá đã ra đời và phát huy hiệu quả thực tế, tiêu biểu như: “*Mô hình Đại lý dịch vụ công trực tuyến tại các Ngân hàng*”, ứng dụng “*Kiosk lấy số thứ tự và*

⁶⁰ Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 07/12/2025 của UBND tỉnh triển khai thực hiện thí điểm mô hình ki - ốt dịch vụ công tại các đơn vị lực lượng vũ trang.

đánh giá hài lòng”, hay việc vận hành Hệ thống thông tin kinh tế - xã hội hai cấp và ứng dụng “*Thông tin cấp xã*”. Những nỗ lực này không chỉ minh chứng cho tư duy đổi mới mà còn là bước tiến dài trong việc xây dựng một chính quyền số hiện đại, phục vụ đắc lực cho sự phát triển bền vững của tỉnh nhà.

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Trong thời gian đầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là địa phương cấp xã trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ do khối lượng công việc lớn và có nhiều thay đổi khi thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền. Bên cạnh đó, số lượng đội ngũ cán bộ, công chức tại các đơn vị hành chính cấp xã còn thiếu, chất lượng chưa đồng đều, không đủ nhân lực có chuyên môn sâu trên các lĩnh vực như công nghệ thông tin, đất đai, tài chính, kế toán, xây dựng... nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt trong công tác giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân, doanh nghiệp tại địa phương.

Sau sắp xếp, hợp nhất tỉnh, số lượng VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành cần rà soát, xử lý rất nhiều, do đó tiến độ xử lý VBQPPL còn chậm, số lượng VBQPPL cần xử lý trong thời gian tới còn tương đối nhiều. Một số cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai các hoạt động tổ chức thi hành pháp luật còn chưa hiệu quả, chưa nhận diện, xác định cụ thể những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành pháp luật nên việc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện hoạt động tổ chức thi hành pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu.

Mặc dù tỉnh đã có nhiều nỗ lực và đạt được những kết quả bước đầu trong triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, song việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức: Nguồn nhân lực chất lượng cao cho công nghiệp công nghệ số và đổi mới sáng tạo còn thiếu hụt; đội ngũ kỹ sư, chuyên gia công nghệ cao còn hạn chế về số lượng và chiều sâu chuyên môn, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh của doanh nghiệp và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại địa phương. Công tác số hóa dữ liệu đất đai còn chậm chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra của Trung ương.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRONG NĂM 2025

1. Tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm, toàn diện, đồng bộ, có hiệu công tác cải cách hành chính; ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2026 – 2030 với giải pháp cụ thể, thiết thực có sự đột phá mạnh mẽ để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, dữ liệu theo tinh thần chỉ đạo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2025; các Đề án trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh. Tổ chức tổng kết Đề án “Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về nội dung của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra

tấn” ban hành kèm theo Quyết định số 65/QĐ-TTg ngày 12/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Tiếp tục triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ và theo kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh bảo đảm thống nhất, thông suốt theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương; thực hiện nghiêm việc công bố, công khai thủ tục hành chính theo quy định; rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

4. Rà soát, sắp xếp tinh gọn đơn vị sự nghiệp, các tổ chức bên trong của các sở, ngành, địa phương; đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo chỉ đạo tại công văn số 59/CV-BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết 18 NQ/TW và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Nội vụ.

5. Tiếp tục tăng cường kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, các quy định về văn hóa, đạo đức công vụ. Thực hiện tốt các quy định về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực thực thi công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tập trung nguồn lực và đẩy mạnh tháo gỡ các vướng mắc phát sinh để triển khai có hiệu quả mô hình chính quyền.

6. Xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn ổn định 05 năm, phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội do Chính phủ quy định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Thực hiện kế hoạch chuyển đổi các ĐVSNCN có đủ điều kiện thành Công ty cổ phần theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ (sau khi có Quyết định phê duyệt danh mục của Thủ tướng Chính phủ).

7. Tập trung triển khai các nhiệm vụ thực hiện mô hình điểm thúc đẩy triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW, Đề án 06 và Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng; triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh; tập huấn, nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ công chức viên chức.

8. Triển khai có hiệu quả Chương trình, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các Chương trình hành động của Chính phủ về “bộ tứ trụ cột”, gồm: (i) Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; (ii) Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; (iii) Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; (iv) Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân và các chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các Nghị quyết chuyên đề của Trung ương, bao gồm: (i) Nghị quyết số 70-NQ/TW về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (ii) Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; (iii) Nghị quyết số 72-NQ/TW về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

Trên đây là Báo cáo công tác cải cách hành chính năm 2025 của UBND Gia Lai. UBND tỉnh Gia Lai kính báo cáo Bộ Nội vụ xem xét, tổng hợp. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Báo và PT, TH Gia Lai;
- CVP, PVPVX;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, PVHCC. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Hải Giang



Phụ lục

**THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: _____/BC-UBND ngày _____ / _____ / 2025 của UBND tỉnh Gia Lai)

Biểu mẫu 1**Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	75	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100%	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	32 nhiệm vụ	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	32 nhiệm vụ	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	02	
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	42	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100%	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	3	- Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra cần xử lý: 03 vấn đề. Cụ thể: (1) Ủy quyền thực hiện TTHC chứng thực; (2) Công tác giải quyết hồ sơ TTHC về đất đai tiếp nhận trước ngày 01/7/2025; (3) Bỏ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				trí máy móc, trang thiết bị tại cấp xã.
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	3	(1) Về chứng thực: UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh thống nhất chủ trương ban hành Nghị quyết ủy quyền thực hiện chứng thực cho Phó Giám đốc TT PVHCC cấp xã. (2) Các địa phương đã xử lý hoàn thành các hồ sơ đất đai còn tồn đọng và mua sắm trang thiết bị CNTT bảo đảm phục vụ công việc.
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	-	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	-	
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	111	- Tỉnh Bình Định cũ hoàn thành đúng hạn 4/4 nhiệm vụ; - Tỉnh Gia Lai cũ hoàn thành đúng hạn 10/10 nhiệm vụ.
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	108	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				- 02 tỉnh Bình Định và Gia Lai cũ hoàn thành đúng hạn 46/46 nhiệm vụ được giao chung cho các tỉnh, thành phố. - Tỉnh Gia Lai mới hoàn thành đúng hạn 48/51 nhiệm vụ, còn 03 nhiệm vụ trong hạn sẽ hoàn thành trong năm 2025.
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	5.530	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	Lãnh đạo UBND tỉnh đã chủ trì 5 Hội nghị đối thoại: - Hội nghị đối thoại với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh vào ngày 29/7/2025 theo Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 22/7/2025. - Hội nghị đối thoại với các doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu tại Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				vào ngày 27/9/2025 theo Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 09/9/2025. - Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn thúc đẩy môi trường đầu tư kinh doanh vào ngày 17/9/2025 (Thông báo số 225/TB-UBND ngày 19/9/2025), ngày 10/10/2025 (Thông báo số 293/TB-UBND ngày 16/10/2025), ngày 24/10/2025 (Thông báo số 334/TB-UBND ngày 30/10/2025).

5
Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	58	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	202	
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	62	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	67	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100%	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	130	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100%	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	130	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	130	

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	14	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	185	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	152	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2.210	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.883	
1.4.2.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	327	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	2	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	79	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	2.210	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	97,5%	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	202.986	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	197.953	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	97,7%	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	457.149	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	446.602	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100%	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	1.075	
3.3.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	911	164 đang trong hạn xử lý)

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	3	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	29	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	1.574	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	9	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	281	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã	Cơ quan, đơn vị	1.284	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	8.681	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	7.236	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	-	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	26	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	52.991	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	46.515	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	61	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	17.6	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	Tiếp tục sử dụng VTVL đã được phê duyệt
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	75,06%	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	15.163.773	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	11.381.645	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	1.568	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	16	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	93	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	208	
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1.249	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	1	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	- Tỉnh Bình Định đã cập nhật phiên bản 4.0 tại Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 4/6/2025; - Đang tiến hành chỉnh sửa, cập nhật cho tỉnh Gia Lai mới
2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
3.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
3.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.1.2	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).			
3.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	100	
3.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
3.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
3.3.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.1.1.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
4.1	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100%	
4.1.1	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	Thủ tục	1.098	
4.1.2	Số lượng DVCTT toàn trình	Thủ tục	1.098	
4.2	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình+ một phần)	%	100%	
4.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả hai hình thức)	Thủ tục	1.790	
4.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	1.790	
4.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	96,32%	
4.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ trực tuyến +trực tiếp)	Hồ sơ	135.151	
4.3.2	Số Hồ sơ nộp trực tuyến của DVCTT toàn trình	Hồ sơ	130.179	
4.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	87%	
4.4.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	517.063	
4.4.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	449.715	
4.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100%	
4.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	519	
4.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	519	